

# Đánh giá tác động lan tỏa của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng năng suất của doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam qua phương pháp bán tham số

Th.S. Lê Thị Hà Thu

Khoa Kinh tế Quản lý, Đại học Thăng Long

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này là xem xét ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lên tăng trưởng năng suất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam, sử dụng phương pháp bán tham số để ước lượng ảnh hưởng đồng thời dự báo nhân tố năng suất tổng hợp TFP. Bảng I-O 2007 được sử dụng để cấu trúc mối liên hệ ảnh hưởng lan tỏa giữa các doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp FDI. Sử dụng dữ liệu của 719.408 doanh nghiệp từ năm 2000 đến 2013, tác giả đã ước lượng tác động của FDI lên TFP và so sánh tác động của FDI lên TFP đối với các doanh nghiệp nội địa và toàn mẫu. Kết quả của nghiên cứu này đã đưa ra những bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng lan tỏa của FDI lên tăng trưởng năng suất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam.

**Từ khóa:** FDI, tác động lan tỏa, bán tham số, doanh nghiệp nhỏ và vừa

## 1. Giới thiệu

Doanh nghiệp vừa và nhỏ là loại hình doanh nghiệp chiếm đa số và đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế với đóng góp tới 47% tổng sản phẩm quốc nội và 40% tổng thu ngân sách của cả nước. Trong 10 năm trở lại đây, sự lớn mạnh của khối doanh nghiệp này đã nhanh chóng tạo ra số lượng việc làm sử dụng đến 61% lực lượng lao động nước ta. Trong cơ cấu ngành nghề của DNNVV khoảng 50% hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo — công nghiệp, 37% trong lĩnh vực thương mại và phân phối, số còn lại hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ và liên quan đến nông nghiệp. Doanh nghiệp nhỏ và vừa với lợi thế năng động, linh hoạt và sáng tạo trong kinh doanh có vai trò to lớn đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa cơ cấu công — nông nghiệp. Tuy nhiên, chính sự phát triển mạnh mẽ của khối DNNVV cùng với những lợi thế đạt được chưa đủ giúp chính các DNNVV VN cạnh tranh với chính các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Qua 25 năm thu hút và sử dụng FDI, Việt Nam vẫn đang nổi lên không ít những bất cập về những vấn đề mà FDI tạo ra, đặc biệt liên quan đến môi trường, mất cân đối trong nền kinh tế như chỉ tập trung một số ngành với mức công nghệ sử dụng trung bình. Mặc dù những ưu đãi dành cho các doanh nghiệp FDI là không nhỏ nhưng nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, mức độ tác động ảnh hưởng của FDI tới các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn ở mức độ rất khiêm tốn, đặc biệt là tác động lan tỏa các doanh nghiệp FDI đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam.

## 2. Mô hình đo lường năng suất nhân tố tổng hợp

Phương pháp đo lường TFP của Levinsohn — Petrin (2003) với các ước lượng vững của hàm sản xuất kết hợp với các kĩ thuật tham số và phi tham số, trong đó đầu tư hiệu chỉnh sự chệch do tính đồng thời gây ra bởi tương quan giữa lựa chọn đầu vào của các nhà máy và năng suất của các doanh nghiệp. Một trong những điều kiện của mô hình Olley và Pakes — đầu tư là hàm đơn điệu của năng suất có điều kiện trên tư bản — chỉ được kiểm chứng đối với các nhà máy có đầu tư dương (Pakes, 1994).

Để xem xét mức độ lan tỏa của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến các doanh nghiệp DNNVV, bài viết sử dụng mô hình ước lượng gồm các biến độc lập thể hiện đặc trưng của DNNVV và những biến độc lập đại diện cho các tác động lan tỏa của FDI bằng phương trình sau đây:

$$\ln tfp_{it} = a_j + b_1 \ln K_{it} + b_2 \ln L_{it} + b_3 \ln M_{it} + b_4(\text{vngoai}) + b_5 \text{Hor}_{jt} + b_6 \text{Back}_t + b_7 \text{For}_{jt} + b_8 \text{Sback}_{jt} + b_9(K/L)_{jt} + b_{10}(Lc)_{jt} + e_{ijt}$$

Trong đó:

$\ln tfp_{it}$  - giá trị sản lượng đầu ra thực của doanh nghiệp  $i$ , ngành  $j$  năm  $t$ ; Giá trị sản lượng đầu ra này được tính bằng chỉ số điều chỉnh giá.

$\ln K_{it}$  - vốn của doanh nghiệp  $i$ , ngành  $j$  năm  $t$ , được đo bằng giá trị của tổng tài sản đầu năm;

$\ln L_{it}$  - lao động của doanh nghiệp  $j$ , ngành  $j$  năm  $t$ ;

$\ln M_{it}$  - đầu vào trung gian của doanh nghiệp  $i$ , ngành  $j$  năm  $t$ , được đo bằng giá trị của các đầu vào

trung gian;

$Lc)_{jt}$  - lao động có chất lượng của doanh nghiệp  $i$ , ngành  $j$  năm  $t$ , xấp xỉ bằng tổng số tiền lương, thường trên công nhân. (thu nhập trên đầu người).

$(K/L)_{jt}$  - là số vốn trên lượng công nhân lao động, biểu thị mức trang bị vốn trên đầu người của DN

$vngoai_{jt}$  - biểu thị phần vốn vay từ bên ngoài DN

Để tránh bị chệch, mô hình ước lượng chỉ bao gồm các doanh nghiệp nội địa. Ngoài ra, việc sử dụng bình phương tối thiểu thông thường có thể không phù hợp khi ước lượng năng suất bởi vì phương pháp này coi lao động và các biến đầu vào khác là ngoại sinh.

### 3. Kết quả thực nghiệm

Nghiên cứu này sử dụng mẫu cân đối, gồm các công ty xuất hiện cả 14 năm từ năm 2000 đến 2013. Tác giả loại đi những công ty có tuổi đời doanh nghiệp, tổng thu nhập, tổng tài sản, lao động không dương. Trong nghiên cứu này, giá trị gia tăng sẽ được đo lường dựa trên cách tiếp cận nhân tố thu nhập, phương pháp xác định thu nhập của lao động và vốn một cách riêng biệt. Để đo lường ảnh hưởng của FDI đến tăng trưởng năng suất của các doanh nghiệp trong nước cần tính mức độ tham gia của nước ngoài trong ngành (phần chia của vốn của doanh nghiệp FDI trên tổng số vốn của ngành). Bài viết dựa trên bảng I-O 2007 để cấu trúc các mối liên hệ và tính toán tác động ảnh hưởng của FDI.

Các dữ liệu cần thiết cần phải được kiểm định phù hợp thỏa mãn với các tiếp cận Olley — Pakes tương ứng với sự đầu tư tăng đơn điệu theo các mức TFP đo lường được với các quan sát đầu tư dương chặt, có đúng trong mẫu nghiên cứu hay không. Để đạt được mục đích đó, nghiên cứu sẽ thực hiện ước lượng phương trình các tác động ở mức doanh nghiệp của loga của tổng đầu tư với loga của TFP. Hệ số ước lượng cho loga của TFP cho các mô hình mang dấu dương với mức ý nghĩa 1%. Điều này chỉ ra rằng sử dụng cách tiếp cận phương pháp bán tham số để ước lượng hàm sản xuất đối với dữ liệu DNVV Việt Nam là hợp lý.

Thứ nhất, hệ số co giãn của vốn và lao động dao động từ -0.0413 đến 0.1735. Đối với doanh nghiệp nội địa, hệ số này dao động từ 0.0369 đến 0.12976. Điều này cho thấy có bằng chứng về việc biến lao động và vốn đều bị ảnh hưởng bởi đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ hai, các biến KL và LC không có ý nghĩa thống kê ở cả 2 phương pháp trong toàn mẫu, nhưng đối với doanh nghiệp nội địa biến KL lại có ý nghĩa thống kê thể hiện rằng chất lượng lao động, vốn trên lao động không chịu tác động bởi đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng năng suất của các doanh nghiệp.

Thứ ba, biến Hor dương thể hiện những tác động có lợi của FDI tới các DNNVV trong nước, hoạt động trong cùng ngành, cùng lĩnh vực. Biến back ở tổng mẫu lại mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê cao ở mức 9% cho thấy những ảnh hưởng lan tỏa ngược xảy ra thông qua tác nghiệp giữa các doanh nghiệp có năng suất cao và các khách hàng thượng nguồn có tác động tiêu cực. Hệ số sback âm cho thấy những tác động liên kết ngược không tích cực do hàng hóa sản xuất bởi doanh nghiệp FDI ít sử dụng và ít giống nhau về hàng hóa trung gian được sản xuất do vậy đã tạo ra những liên kết ngược cung có hại cho doanh nghiệp nội địa. Các mối liên kết xuôi for không những có ý nghĩa thống kê cao mà còn mang dấu dương ở tất cả những ước lượng TFP cho tổng thể và doanh nghiệp nội địa.

Bảng 2 cho thấy kết quả hồi quy tác động của FDI theo ngành công nghiệp và xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ, mục đích của phân tích này là đánh giá mức độ ảnh hưởng của các tác động lan tỏa tới các ngành để xem xét ảnh hưởng lan tỏa của FDI tới DNNVV các ngành:

Đối với nhóm DNNVV ngành công nghiệp và xây dựng: Ảnh hưởng lan tỏa của biến đại diện For, hor có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và đều mang dấu dương trong khi các ảnh hưởng lan tỏa như back và sback không có ý nghĩa thống kê. Các biến còn lại như ln, lnk, lc, k/l, vngoai đều có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Như vậy, kết quả chỉ ra ở mô hình cho thấy ảnh hưởng lan tỏa của FDI đối với nhóm doanh nghiệp này là mang đến những thay đổi công nghệ, tăng khả năng

Bảng 1: Kết quả hồi quy tác động của FDI đến DNNVV cho toàn mẫu và mẫu chỉ gồm các doanh nghiệp nội địa

lnpml	Tổng thể				Mẫu chỉ gồm các doanh nghiệp nội địa			
	TFP ước lượng từ phương pháp Levinsohn - Petrin		TFP ước lượng từ phương pháp Olley - Pakes		TFP ước lượng từ phương pháp Levinsohn - Petrin		TFP ước lượng từ phương pháp Olley - Pakes	
	Hệ số	Std. Err.	Hệ số	Std. Err.	Hệ số	Std. Err.	Hệ số	Std. Err.
lnl	-0.022	0.018	-0.0413**	0.020	0.0369***	0.012	0.017399	0.014
lnk	0.1392***	0.011	0.1735***	0.012	0.0953***	0.010	0.12976***	0.011
for	1.7329***	0.249	1.7328***	0.270	1.6502***	0.215	1.6502***	0.224
hor	2.1936***	0.521	2.1936***	0.404	0.37456	0.434	0.37456	0.423
back	-0.6843***	0.279	-0.6843**	0.299	-0.31918	0.311	-0.31918	0.271
sback	-4.5533***	1.008	-4.5533***	1.153	-5.6132***	0.854	-5.6133***	1.013
k/l	0.000	0.000	0.000	0.000	0.00004***	0.000	0.00004***	0.000
vngoai	-0.2279***	0.052	-0.2278***	0.050	-0.2861***	0.031	-0.2862***	0.039
lc	0.001	0.006	0.001	0.006	0.0003356	0.000	0.0003	0.004
Quan sát	37643		37643		33130		33130	
Số nhóm	3148		3148		2757		2757	

Nguồn: Tác giả ước lượng từ số liệu của Tổng cục Thống kê

**Bảng 2: Kết quả hồi quy tác động của FDI đến DNNVV theo ngành kinh tế**

Inpm1	Ngành công nghiệp		Ngành nông nghiệp		Ngành dịch vụ		Ngành khác	
	Hệ số	SE	Hệ số	SE	Hệ số	SE	Hệ số	SE
lnl	0.05753***	0.018	0.029	0.051	-0.035	0.030	-0.062	0.049
lnk	0.1261****	0.015	-0.1176**	0.065	0.1656***	0.019	0.1195***	0.045
for	1.2184***	0.325	0.881	0.756	0.6725***	0.261	0.378	1.234
hor	0.91863**	0.498	-12.484	16.644	3.852***	1.128	0.863	2.283
back	0.067	0.186	7.2145**	3.860	1.127**	0.608	-4.452	6.709
sback	0.809	0.764	-26.253***	10.898	-16.222***	2.062	-7.368	17.444
K/1	-0.00006***	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000
vngoai	-0.2867***	0.044	-0.2632***	0.101	-0.215***	0.078	-0.032	0.093
lc	0.02332***	0.007	0.000	0.019	0.000	0.007	0.0127***	0.003
Số quan sát	19716		2657		14912		2475	
Số nhóm	1777		259		1428		337	

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Tổng cục Thống kê

ạnh tranh, cải thiện nguồn lực theo chiều ngang giữa các doanh nghiệp FDI với DNNVV, nhưng lại không có tác động giữa các liên kết ngược từ các doanh nghiệp FDI mua hàng hóa, dịch vụ từ các doanh nghiệp trong nước trong các ngành công nghiệp thượng nguồn.

Đối với nhóm DNNVV ngành nông nghiệp, tác động lại gần như ngược chiều với ngành công nghiệp. Biến for, hor không có ý nghĩa thống kê trong khi biến Back, sback lại có ý nghĩa thống kê nhưng mang dấu trái chiều. Biến back mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê 5% cho thấy có ảnh hưởng lan tỏa ngược dương giữa các doanh nghiệp FDI và DNNVV trong ngành và làm tăng sản lượng các ngành nông nghiệp. Biến Sback — lan tỏa ngược cung lại có hệ số âm ở mức 1% do tác động liên kết nên các nhà đầu tư nước ngoài có thể kích cầu đối với các sản phẩm trung gian sản xuất tại địa phương.

Đối với DNNVV ngành dịch vụ, tất cả các ảnh hưởng lan tỏa là có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, các biến hor, for, back đều mang dấu dương, chỉ duy nhất biến sback mang dấu âm cho thấy tác động lan tỏa của FDI đối với hàng hóa trung gian gây phương hại đến sản xuất trong ngành dịch vụ. Đối với DNNVV các ngành khác, các ảnh hưởng lan tỏa là không có ý nghĩa thống kê cho thấy không có ảnh hưởng lan tỏa của FDI tới các DNNVV trong ngành này.

### 3. Kết luận và khuyến nghị

Các kết quả ước lượng ở trên cho thấy có bằng chứng thực nghiệm về tác động lan tỏa ngang, dọc, ngược và ngược cung của sự hiện diện của doanh nghiệp FDI đối với các DNNVV tại Việt Nam. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp nội địa chỉ có bằng chứng về những lan tỏa xuôi và ngược cung. Kết quả này ngụ ý rằng, sự hiện diện của doanh nghiệp FDI có tác động lan tỏa đối với các hiệu ứng cạnh tranh với các DNNVV trong nước và doanh nghiệp nội địa. Tuy nhiên, đối với từng nhóm doanh nghiệp ở các ngành và vùng khác nhau sẽ có ảnh hưởng khác nhau. Cụ thể, khu vực miền Trung & Tây Nguyên và Đồng bằng sông Hồng có nhiều tác động lan tỏa hơn khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Ở cả 3 khu vực này, hiệu ứng for đều có mức ý nghĩa thống kê cao và đều mang dấu dương trong khi biến sback đều mang dấu âm và

cũng có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Ngành dịch vụ có đầy đủ tất cả các hiệu ứng và hầu như đều có mức ý nghĩa thống kê 1% trong khi có sự trái ngược hoàn toàn giữa khu vực ngành công nghiệp và ngành nông nghiệp ở tất cả các hiệu ứng. Ngành khác không có các tác động lan tỏa của FDI trong khu vực DNNVV này.

Tuy nhiên, nghiên cứu trên cũng chỉ ra rằng, chúng ta cần tận dụng những lan tỏa tích cực của các ảnh hưởng mà doanh nghiệp FDI đã tạo ra đối với từng ngành, từng khu vực và hạn chế những ảnh hưởng lan tỏa tiêu cực ở trên như tạo cơ hội đổi mới công nghệ.

### Tài liệu tham khảo

1. Fernandes, A.M.(2003). Trade policy, Trade volumes, and plant-level productivity in Colombian manufacturing industries, The World Bank Development Research Group.
2. Haskel, Jonathan E, Sonia C. Pereira and Matthew J Slauter. (2002). Does Inward Foreign Direct Investment Boost the Productivity of Domestic Firms?, NBER Working paper 8724.
3. Levinsohn, J. and A. Petrin (2003), "Estimating Production Functions Using Inputs to Control for Unobservable," Review of Economic Studies, số 70 (2), tr. 317—341.
4. Nguyễn Khắc Minh và cộng sự (2014), "Hội nhập và hội tụ năng suất ở cấp độ doanh nghiệp của ngành dệt may", Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 205 (7), tr. 44—52
5. Nguyen Ngoc Anh et al. (2008). Foreign direct investment in Vietnam: is there any evidence of technological spillover effects, Development and Policies Center (DEPOCEN).
6. Olley, G.S. and A. Pakes (1996), "The Dynamics of Productivity in the Telecommunications Equipment Industry" Econometric, số 64 (6), tr. 1263—1297.